



GIỚI THIỆU VIETINBANK

Năm 2018

Nội dung chính

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng
2. Thông tin chung về VietinBank
3. Điểm nhấn nhà đầu tư
4. Chiến lược kinh doanh
5. Kết quả hoạt động
6. Phụ lục

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam và hoạt động ngân hàng

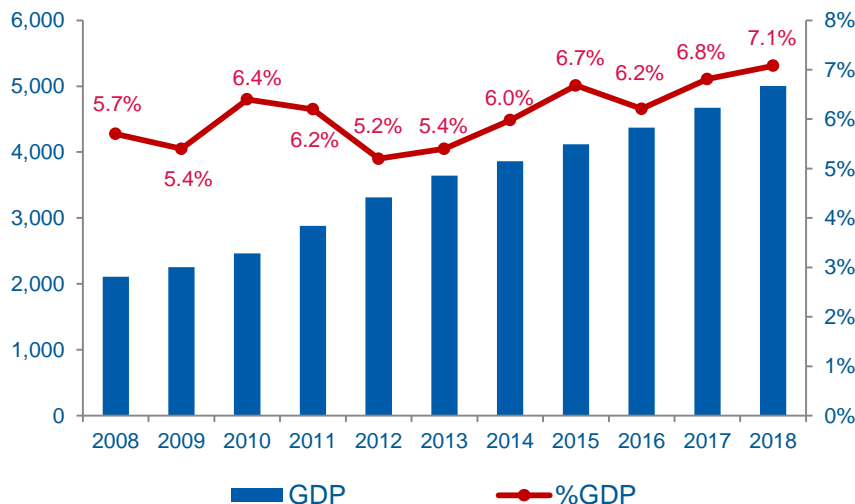
- ❖ Tổng sản phẩm quốc nội - GDP
- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng - CPI
- ❖ Chỉ số quản lý sức mua - PMI
- ❖ Xuất nhập khẩu
- ❖ Đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI
- ❖ Ngành ngân hàng Việt Nam

Tổng sản phẩm quốc nội - GDP

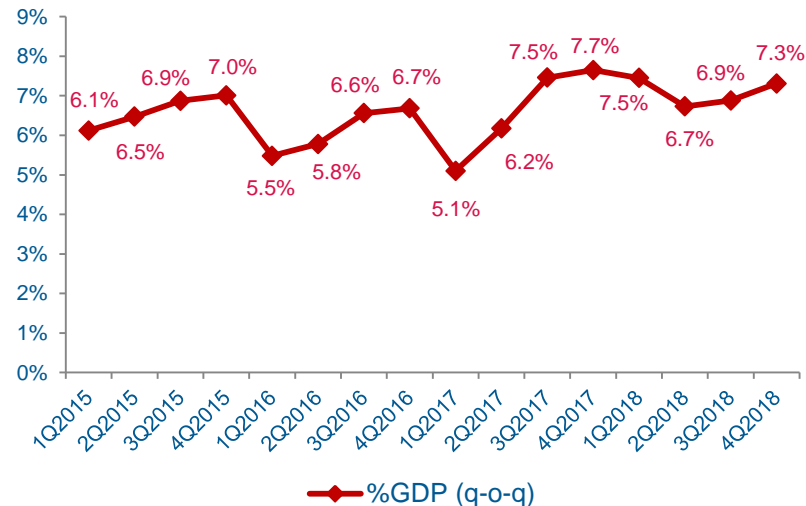
Tăng trưởng GDP năm 2018 đạt mức cao nhất kể từ năm 2008

- ❖ GDP Quý IV/2018 tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn tăng trưởng Quý IV/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng Quý IV các năm 2011-2016.
- ❖ GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, vượt mục tiêu đề ra 6,7% và là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây, khẳng định sự kịp thời và hiệu quả của các giải pháp do Chính phủ ban hành và chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.
- ❖ Mục tiêu tăng GDP năm 2019 do Chính phủ đặt ra từ 6,6 - 6,8%.

Tăng trưởng GDP 2008 – 2018 (nghìn tỷ đồng)



Tăng trưởng GDP theo quý (2015 – 2018)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số giá tiêu dùng - CPI

CPI năm 2018 tăng dưới mục tiêu đề ra

CPI tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước nhưng tăng 2,98% so với tháng 12/2017.

CPI Quý IV/2018 tăng 0,6% so với Quý III/2018 và tăng 3,44% so với Quý IV/2017

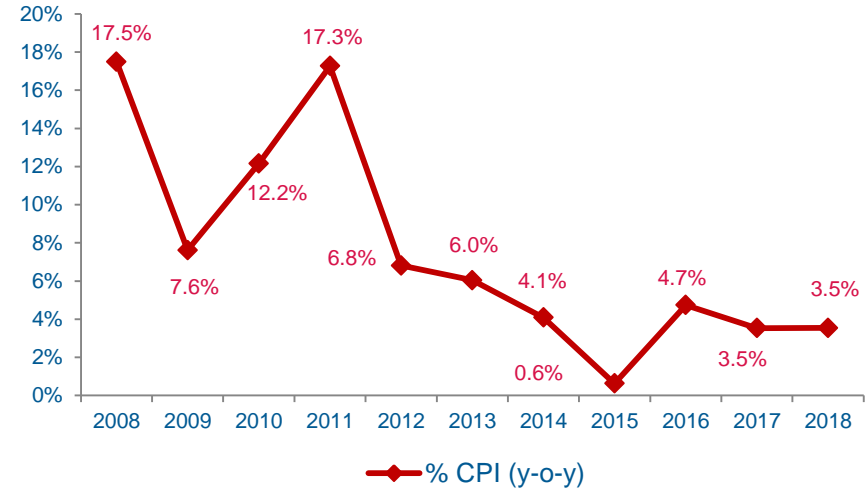
CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

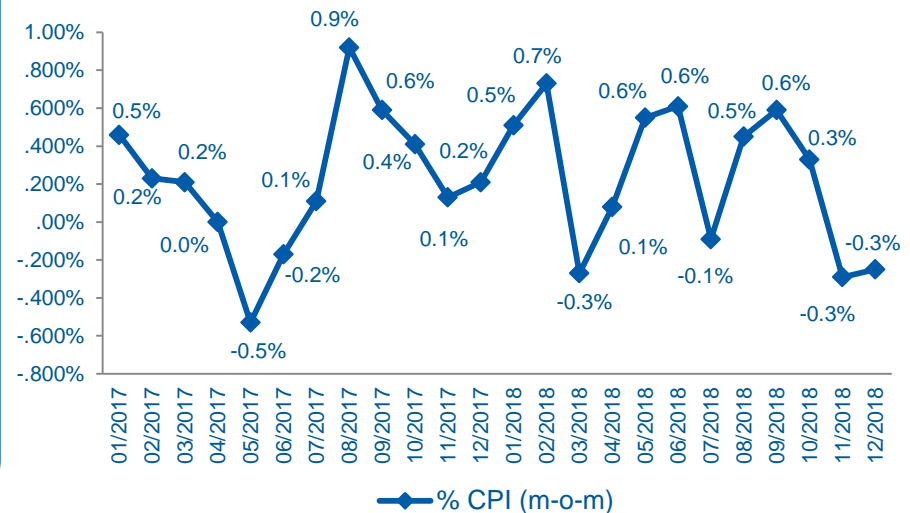
Các yếu tố tác động:

- Tăng giá dịch vụ y tế;
- Thực hiện lộ trình tăng học phí;
- Tăng lương tối thiểu vùng;
- Giá các mặt hàng lương thực, giá thịt lợn tăng;
- Giá dịch vụ giao thông công cộng, giá gas, giá xăng dầu tăng;
- Giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới như giá nhiên liệu, chất đốt, sắt thép tăng trở lại;
- Tích cực triển khai các biện pháp bình ổn giá cả thị trường;
- NHNN điều hành chính sách tiền tệ, giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Tăng trưởng CPI 2008 - 2018



Tăng trưởng CPI theo tháng (2017-2018)



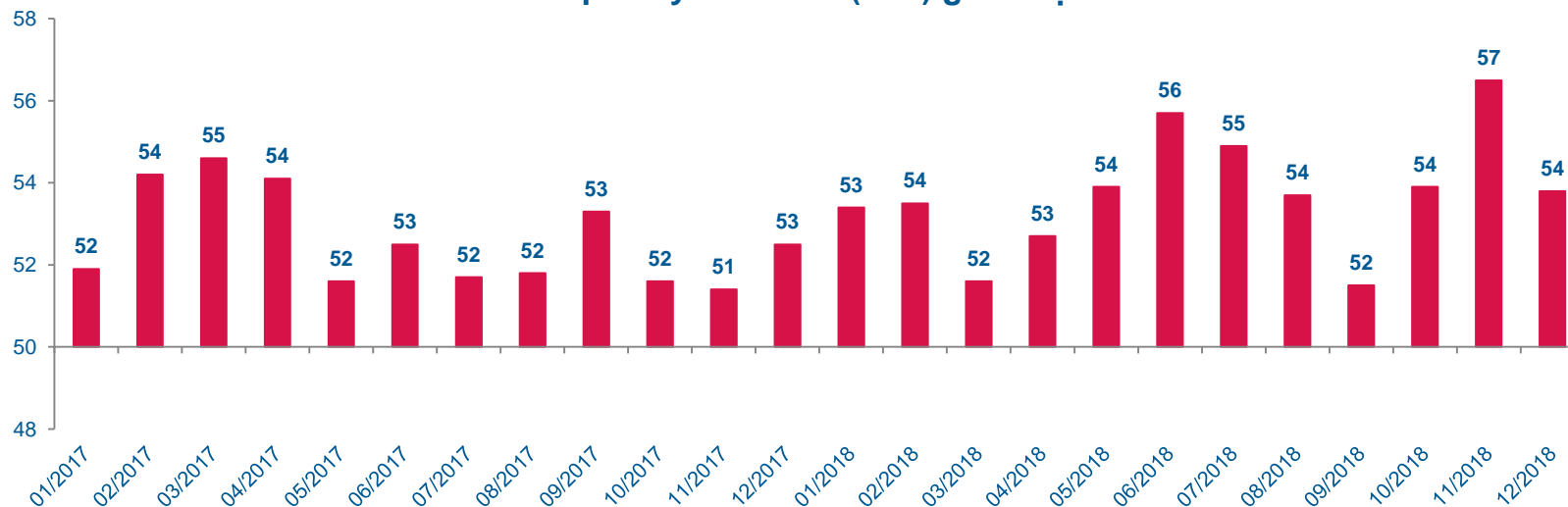
Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số quản lý sức mua - PMI

Chỉ số PMI năm 2018 tăng cao nhất kể từ năm 2011

- ❖ Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất Việt Nam giảm từ mức kỷ lục 56,5 điểm của tháng 11/2018 xuống 53,8 điểm trong tháng 12/2018. Mặc dù giảm, PMI tháng 12/2018 vẫn tương đương mức bình quân của cả năm và được đánh giá là tương đối khả quan so với nhiều nước trong khu vực. Sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều tiếp tục tăng trong tháng 12/2019.
- ❖ Kết quả chỉ số PMI trung bình năm 2018 đạt gần 53,8 điểm - cao nhất kể từ khi khảo sát bắt đầu vào năm 2011.

Chỉ số quản lý sức mua (PMI) giai đoạn 2017-2018

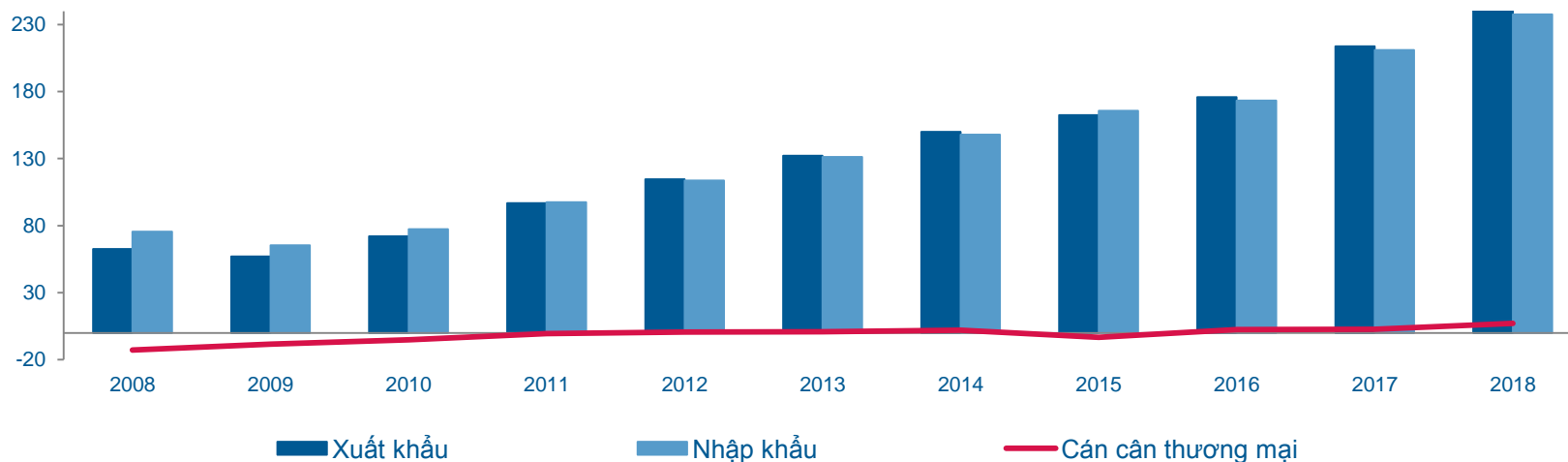


Nguồn: Tổng cục thống kê

Cán cân thương mại năm 2018 có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay

- ❖ Kim ngạch xuất khẩu năm 2018: 244,72 tỷ USD (tăng 13,8% so với năm 2017)
 - Khu vực trong nước: 69,2 tỷ USD (tăng 15,9%);
 - Khu vực FDI: 175,52 tỷ USD (tăng 12,9%).
- ❖ Kim ngạch nhập khẩu năm 2018: 237,51 tỷ USD (tăng 11,5% so với năm 2017)
 - Khu vực trong nước: 94,8 tỷ USD (tăng 11,3%);
 - Khu vực FDI: 142,71 tỷ USD (tăng 11,6%).
- ❖ Cán cân thương mại: Xuất siêu 7,2 tỷ USD
 - Khu vực trong nước: Nhập siêu 25,6 tỷ USD;
 - Khu vực FDI: Xuất siêu 32,8 tỷ USD.

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



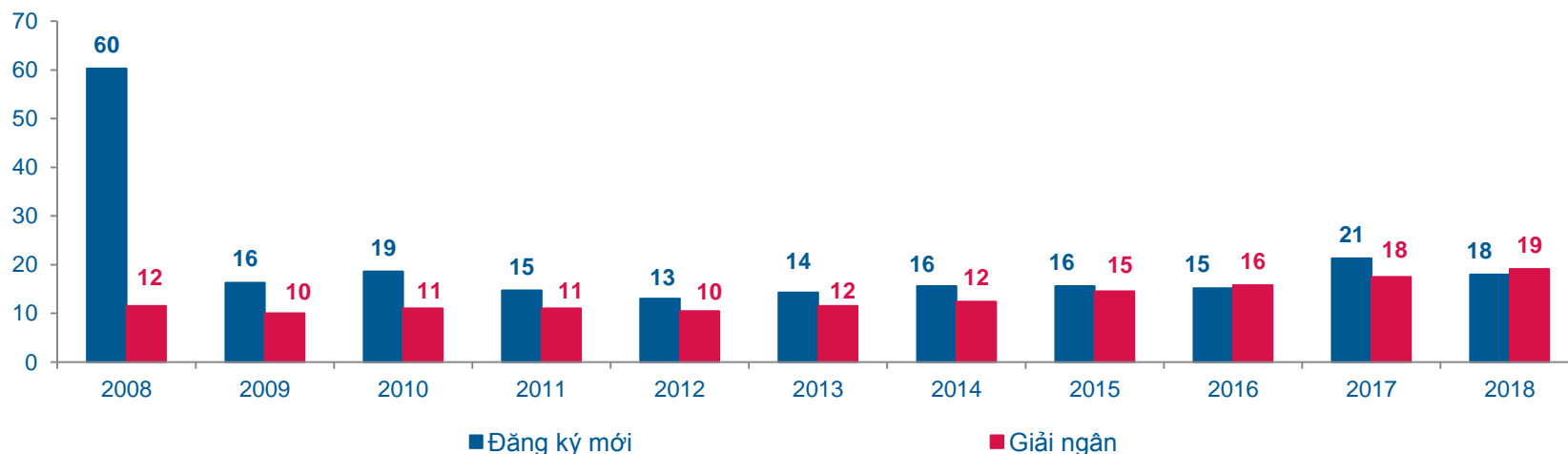
Nguồn: Tổng cục thống kê

Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI

FDI đăng ký giảm, nhưng giải ngân FDI có sự cải thiện

- ❖ Trong năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 35,46 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017. Đây là năm thứ ba liên tiếp số vốn FDI giải ngân liên tục tăng mạnh, từ 15,8 tỉ USD của năm 2016 lên 17,5 tỉ USD năm 2017 và đạt 19,1 tỉ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017.
- ❖ Trong năm 2018, cả nước thu hút 3.046 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 18 tỷ USD, tăng 17,6% về số dự án và giảm 15,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017.
- ❖ Có 1.169 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 7,6 tỷ USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2018 đạt 25,57 tỷ USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2017.
- ❖ Có 6.496 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 9,89 tỷ USD, tăng 59,8% so với cùng kỳ năm 2017.

FDI đăng ký mới và giải ngân (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

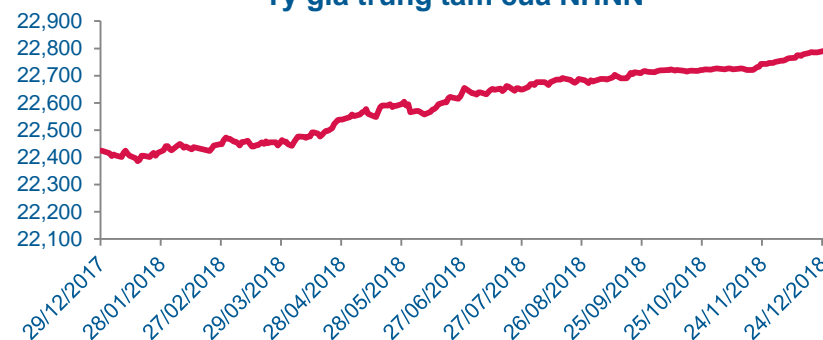
Tỷ giá USD/VND biến động không lớn

- ❖ Mặc dù tỷ giá trong năm 2018 chịu tác động mạnh của nhiều yếu tố phức tạp khó lường song NHNN đã hạn chế được những tác động này nhờ việc điều hành và thực thi chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, từng bước theo lộ trình với truyền thông bài bản. Sự ổn định và cải thiện của các nền tảng kinh tế vĩ mô cũng góp phần ổn định giá trị Việt Nam đồng. Nguồn cung USD trên thị trường ngoại tệ duy trì ổn định. Dự trữ ngoại hối ở mức cao cho phép NHNN có thể ổn định cung-cầu ngoại tệ, bình ổn tỷ giá khi cần thiết.
- ❖ Tỷ giá liên ngân hàng có xu hướng giảm, thời điểm cuối tháng 12/2018 quanh ngưỡng 23.200 VND/USD.
- ❖ Tính đến 31/12/2018, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 400 điểm (+1,78%) so với cuối năm 2017 lên mức 22.825 VND/USD.

Thanh khoản được đảm bảo, tỷ giá và lãi suất ổn định

- ❖ Tổng phương tiện thanh toán tăng 11,34% so với cuối năm 2017 (tại 20/12/2018).
- ❖ Tín dụng tăng 14% so với cuối năm 2017 (tại 31/12/2018).
- ❖ Huy động vốn của các TCTD tăng 11,56% so với cuối năm 2017 (tại 20/12/2018).
- ❖ Gần đây một số NHTM đã có động thái tăng LSHĐ để cân đối nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu thanh toán và dự phòng chi trả trong mùa vụ kinh doanh cao điểm nhất của năm nhưng với mức độ tăng nhỏ và không thể hiện xu hướng tăng của thị trường.
- ❖ Lãi suất cho vay VND phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung dài hạn.

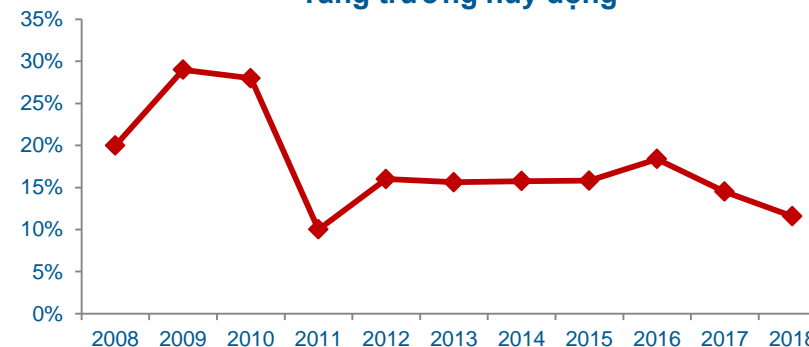
Tỷ giá trung tâm của NHNN



Tăng trưởng tín dụng



Tăng trưởng huy động



2. Thông tin chung

- ❖ **Tổng quan về VietinBank**
- ❖ **Cơ cấu hoạt động**
- ❖ **Cơ cấu quản trị**

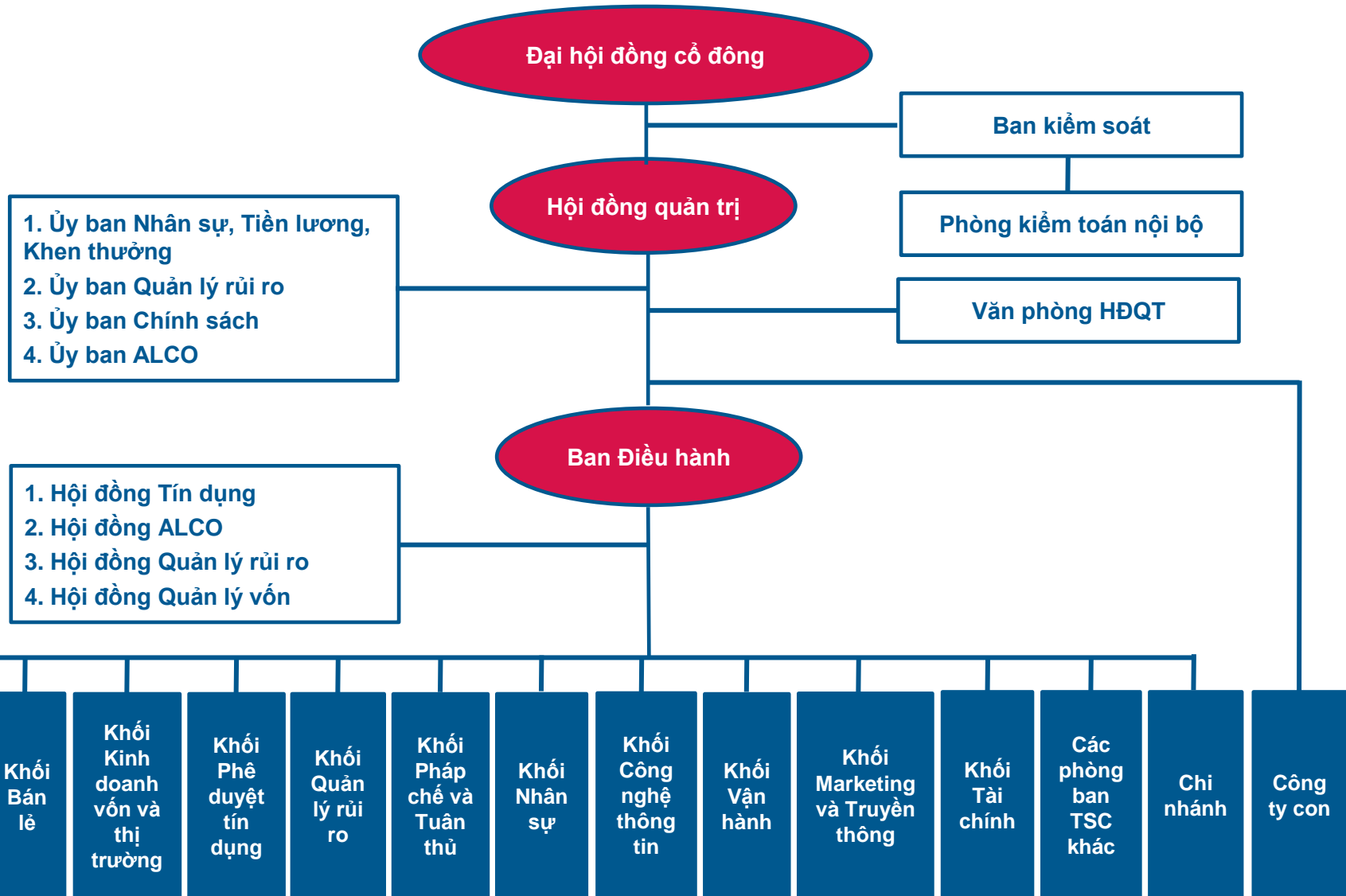
Tổng quan về VietinBank



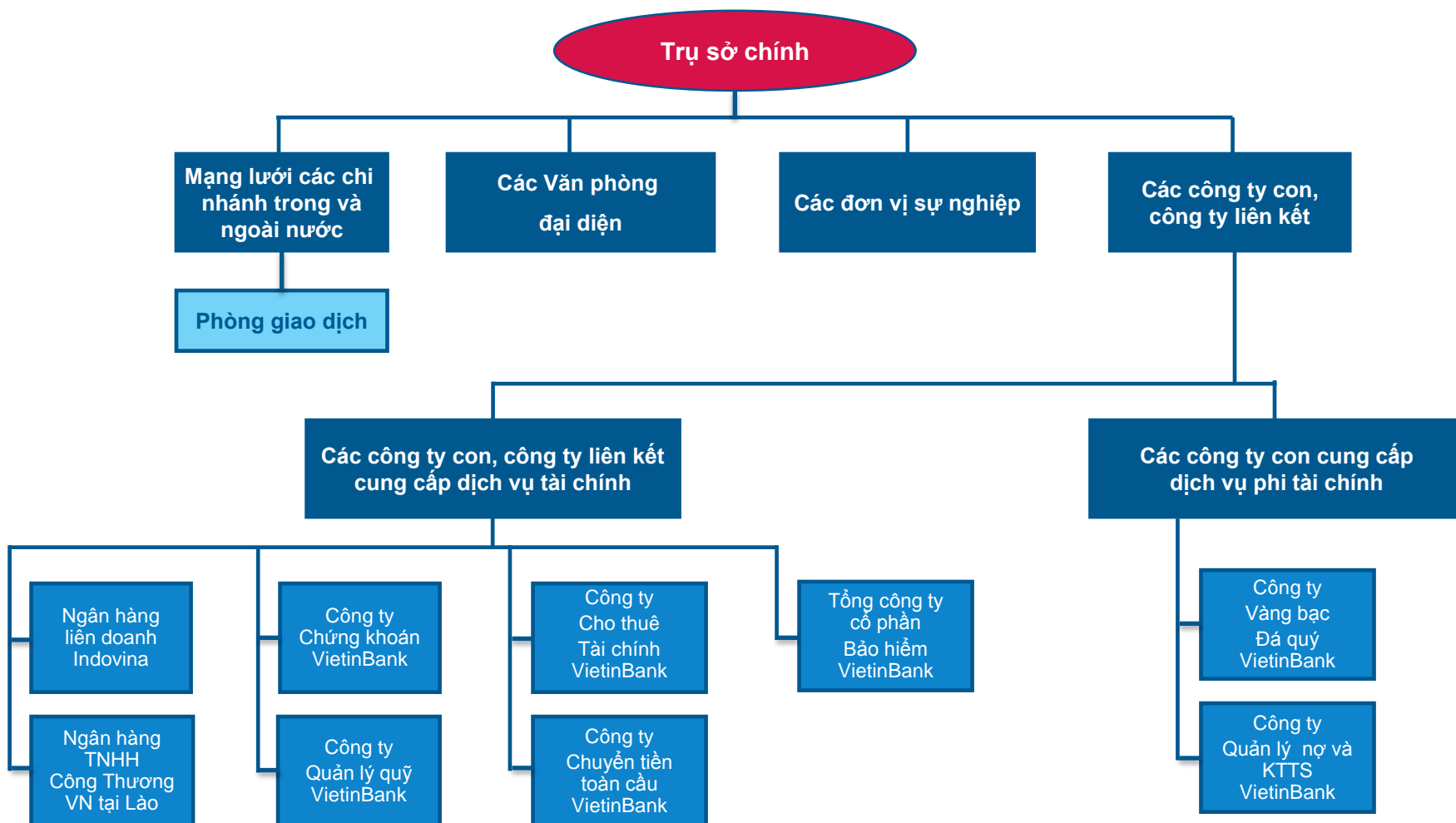
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) là Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng hàng đầu, giữ vai trò trụ cột trong hệ thống Tài chính - Ngân hàng Việt Nam.

- | | |
|---------------|--|
| ▪ 1988 | Thành lập sau khi tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| ▪ 2008 | Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (1 năm sau đó). |
| ▪ 2009 | Chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (viết tắt là VietinBank). |
| ▪ 2011 | IFC chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VietinBank, sở hữu 10% vốn điều lệ của VietinBank. |
| ▪ 2012 | BTMU (nay là MUFG Bank) chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài thứ hai của VietinBank, sở hữu 19,73% vốn điều lệ của VietinBank. |
| ▪ 2017 | Chuyển đổi Core Banking thành công.
Nhận giải thưởng “Dự án ngân hàng lỗi tốt nhất” của The Asian Banker. |
| ▪ 2018 | Đánh dấu chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển của VietinBank |

Cơ cấu quản trị hợp lý



Cơ cấu hoạt động vững mạnh



3. Điểm nhấn đầu tư

- ❖ Thị phần
- ❖ Vốn điều lệ, tổng nguồn vốn và tổng tài sản
- ❖ Mạng lưới hoạt động
- ❖ Thương hiệu và cơ sở khách hàng
- ❖ Cơ cấu cổ đông mạnh
- ❖ Quản trị doanh nghiệp và nhân sự

Thị phần lớn:

- Cho vay (12,16%)
- Huy động vốn (10,5%)
- Chuyển tiền (15%)
- Doanh số TTQT & TTTM (12,58%)
- Dịch vụ thanh toán thẻ (25%)














































Chủ động, tích cực và quyết liệt triển khai phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu

Nguồn nhân lực có chất lượng

Cơ cấu tổ chức bền vững với công nghệ hiện đại



Quy mô vượt trội

		Tổng tài sản (nghìn tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (nghìn tỷ đồng)	Vốn điều lệ (nghìn tỷ đồng)	Mạng lưới
Khối NHTM Nhà nước		 1,164	 67	 37	 1,125
		 1,313	 55	 34	 1,049
		 1,074	 62	 36	 507
Khối NHTM cổ phần		 329	 21	 13	 359
		 406	 25	 19	 553
		 362	 34	 22	 297
		 323	 35	 25	 222
		 216	 17	 10	 285
		 321	 52	 35	 317

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018

Mạng lưới rộng khắp

Trụ sở chính
tại Hà Nội

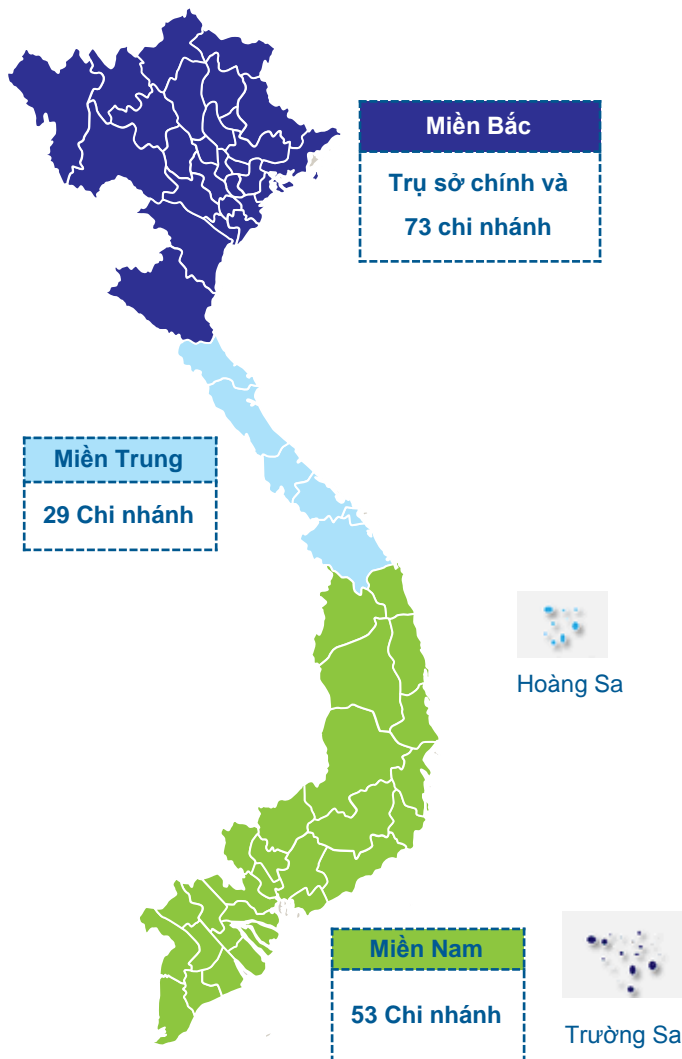
02 Văn phòng
đại diện

155 chi nhánh,
958 phòng giao
dịch

01 Công ty liên
doanh

07 Công ty con

09 Đơn vị
sự nghiệp



Mạng lưới trong nước:

- Trụ sở chính tại Hà Nội
- 02 Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và TP.HCM
- 155 Chi nhánh, 958 Phòng giao dịch ở khắp các tỉnh, thành trên cả nước
- 09 Đơn vị sự nghiệp
- 07 Công ty con (bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý quỹ, quản lý tài sản, vàng bạc đá quý, chuyển tiền toàn cầu)
- 01 Công ty liên doanh (Ngân hàng Indovina)
- Gần 2.000 máy ATM

Mở rộng mạng lưới ra nước ngoài:

- 01 Chi nhánh tại Frankfurt, CHLB Đức
- 01 Chi nhánh tại Berlin, CHLB Đức
- 01 Ngân hàng con tại Lào
- 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar

VietinBank có quan hệ đại lý với hơn 1.000 ngân hàng ở trên 90 quốc gia trên thế giới

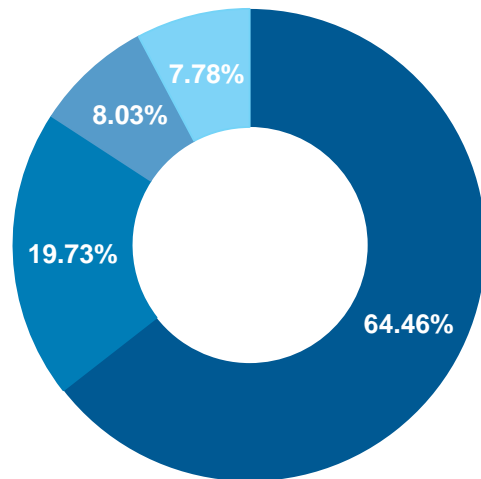
Nền tảng khách hàng lớn và vững chắc

VietinBank đã thiết lập mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, lâu dài với các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và ngày càng mở rộng quan hệ với khách hàng SMEs, FDI và cá nhân.



Cơ cấu cổ đông mạnh

Cổ đông lớn



- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- MUFG
- IFC
- Cổ đông khác

Hỗ trợ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn



Cổ đông Nhà nước



Hỗ trợ

- Nắm giữ 64,46% cổ phần trong VietinBank, cổ phần nắm giữ của Chính phủ sẽ không dưới 51% vào bất cứ thời điểm nào.
- Phần lớn các thành viên trong HĐQT được chỉ định bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

- MUFG ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các lĩnh vực:
 - Quản lý rủi ro, áp dụng BASEL II
 - Công nghệ thông tin
 - Ngân hàng đầu tư
 - Dịch vụ cho Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Dịch vụ thu tiền mặt và các hoạt động liên quan.

- IFC ký hợp đồng hợp tác với VietinBank trong năm 2011. Theo cam kết, IFC sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho VietinBank trong các lĩnh vực sau:
 - Quản trị rủi ro
 - Dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - Tiết kiệm hiệu quả năng lượng
 - Công nghệ thông tin

Ban Lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Đức Thọ
Chủ tịch HĐQT



Ông Trần Minh Bình
Thành viên HĐQT



Ông Cát Quang Dương
Thành viên HĐQT



Bà Trần Thu Huyền
Thành viên HĐQT



Ông Phùng Khắc Kế
Thành viên HĐQT độc lập



Ông Hideaki Takase
Thành viên HĐQT



Ông Hiroshi Yamaguchi
Thành viên HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trần Minh Bình
Tổng giám đốc



Ông Hiroshi Yamaguchi
Phó TGĐ



Bà Lê Như Hoa
Phó TGĐ



Ông Nguyễn Hoàng Dũng
Phó TGĐ



Ông Nguyễn Đức Thành
Phó TGĐ



Ông Trần Công Quỳnh Lâm
Phó TGĐ



Ông Nguyễn Đình Vinh
Phó TGĐ



Bà Nguyễn Hồng Vân
Phó TGĐ



Ông Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Thế Huân
Trưởng BKS



Bà Phạm Thị Thơm
Thành viên BKS



Ông Trần Minh Đức
Thành viên BKS

4. Chiến lược kinh doanh

- ❖ Tâm nhìn và mục tiêu chiến lược
- ❖ Các mục tiêu kế hoạch năm 2019

Tầm nhìn

Ngân hàng dẫn đầu Việt Nam, ngang tầm khu vực, hiện đại, đa năng, theo chuẩn quốc tế.

Mục tiêu

Ngân hàng thương mại có quy mô lớn với hiệu quả hoạt động tốt nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Chủ điểm chiến lược giai đoạn 2018 - 2020

- 1 Tăng trưởng quy mô bền vững
- 2 Chuyển dịch cơ cấu thu nhập
- 3 Phát triển hoạt động ngân hàng thanh toán
- 4 Nâng cao năng lực tài chính
- 5 Nâng cao năng suất lao động toàn hàng và quản trị chi phí hiệu quả

Các mục tiêu kế hoạch cụ thể năm 2019



Triển khai có kết quả các kế hoạch hoạt động tại phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 theo lộ trình đề ra



Cải thiện mạnh mẽ chất lượng dịch vụ. Phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ hiện đại, chuyển dịch cơ cấu thu nhập theo hướng tăng thu ngoài lãi



Kiến toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực



Nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn tự có



Đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ xử lý rủi ro, nợ bán VAMC, nâng cao chất lượng tài sản



Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và tỷ lệ CIR, hướng tới nâng cao năng suất lao động, kế hoạch hóa định biên lao động



Cải thiện mạnh mẽ hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý gắn với quản lý tốt chất lượng tăng trưởng. Cải thiện NIM, quản trị tốt chi phí vốn



Nâng cao vai trò quản trị rủi ro, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn, phát triển kinh doanh gắn liền với tăng cường quản trị rủi ro



Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong mọi mặt hoạt động

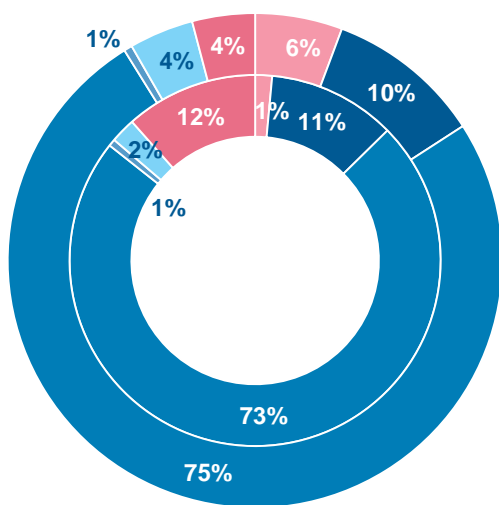
5. Kết quả hoạt động

- ❖ Huy động vốn tăng trưởng ổn định với tỷ trọng lớn từ TT1
- ❖ Tăng trưởng tín dụng hợp lý, nợ xấu được kiểm soát
- ❖ Danh mục đầu tư an toàn và đa dạng
- ❖ Kết quả kinh doanh của VietinBank
- ❖ Kết quả hoạt động so với các ngân hàng khác

Huy động vốn tăng trưởng ổn định

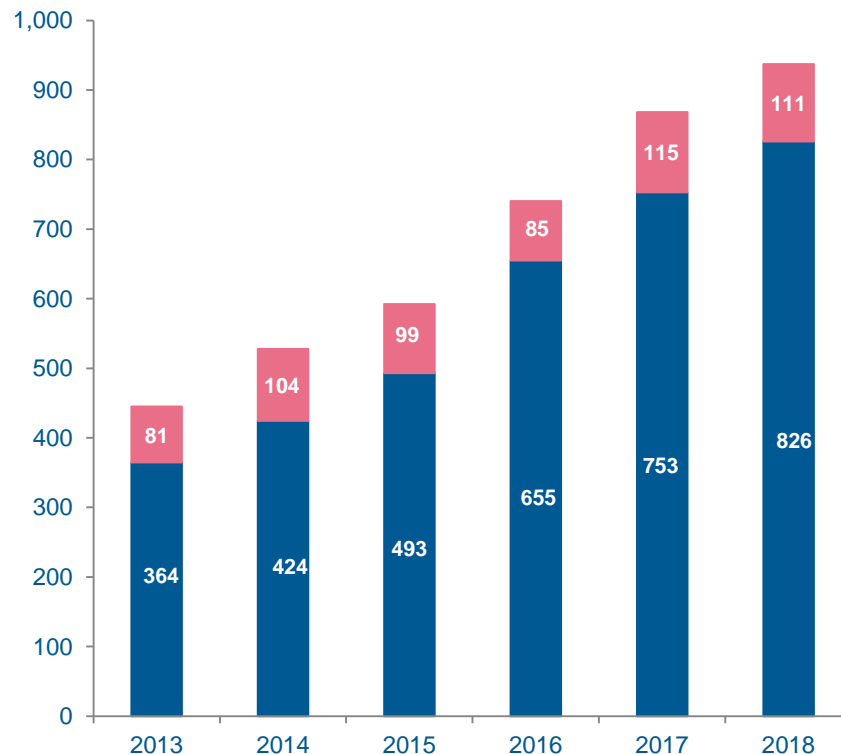
Cơ cấu huy động

Vòng trong: Tại 31/12/2017: 1.031 nghìn tỷ đồng
Vòng ngoài: Tại 31/12/2018: 1.097 nghìn tỷ đồng



- Vay Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTC khác
- Tiền gửi khách hàng
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Phát hành giấy tờ có giá
- Nguồn huy động khác

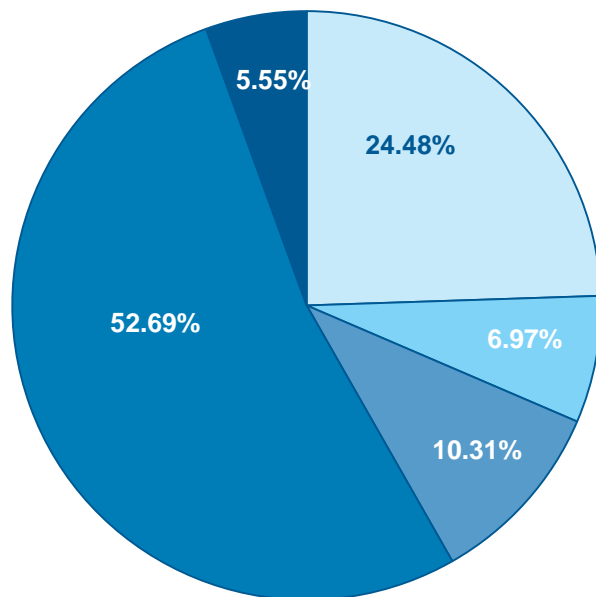
Tiền gửi khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác (nghìn tỷ đồng)



- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi khách hàng

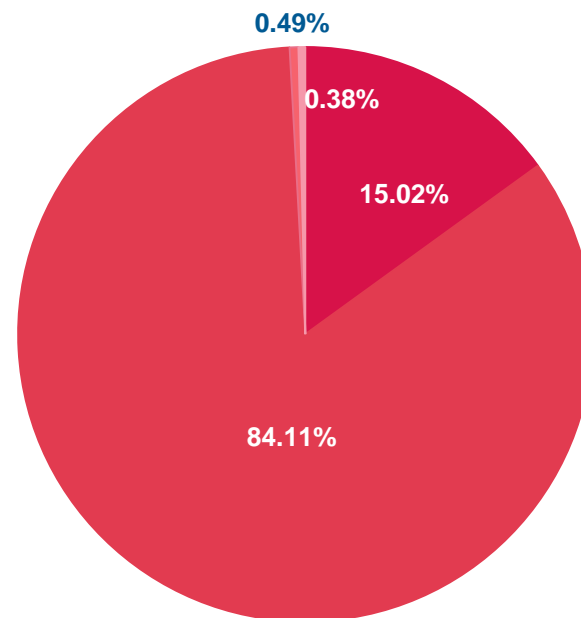
Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Cơ cấu tiền gửi theo loại hình doanh nghiệp
(31/12/2018)



- DNNN (24,48%)
- DN FDI (6,97%)
- Doanh nghiệp khác (10,31%)
- Cá nhân (52,69%)
- Thành phần khác (5,55%)

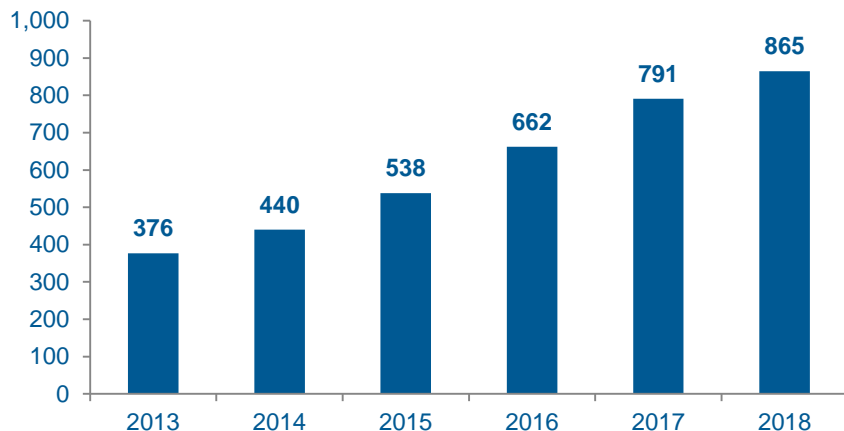
Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn
(31/12/2018)



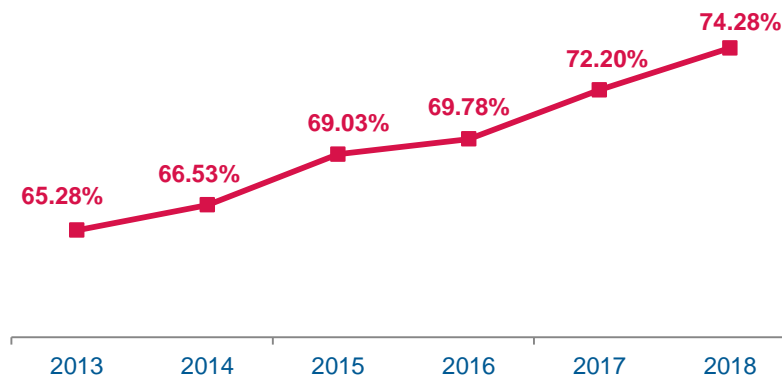
- Tiền gửi không kỳ hạn (15,02%)
- Tiền gửi có kỳ hạn (84,11%)
- Tiền gửi vốn chuyên dụng (0,49%)
- Tiền gửi ký quỹ (0,38%)

Tăng trưởng tín dụng hiệu quả, an toàn

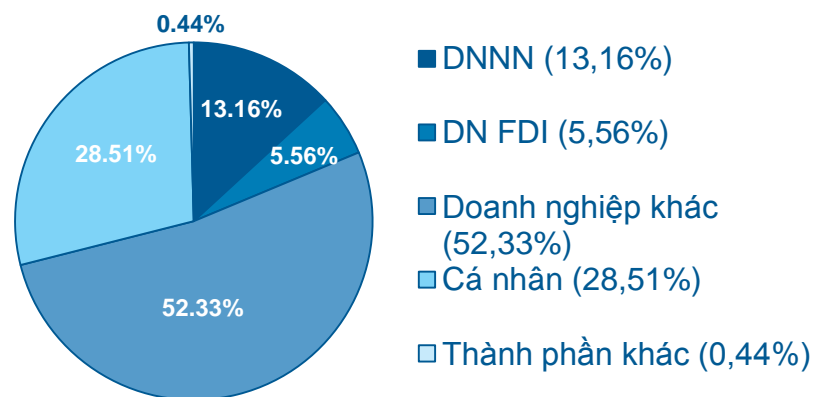
Cho vay khách hàng (nghìn tỷ đồng)



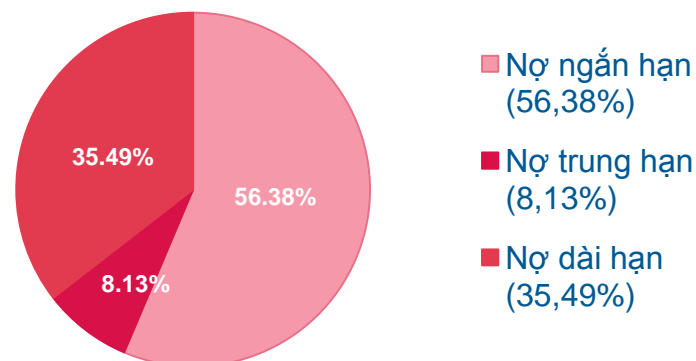
Cho vay/Tổng tài sản (LAR)



Cơ cấu cho vay theo loại hình doanh nghiệp (31/12/2018)

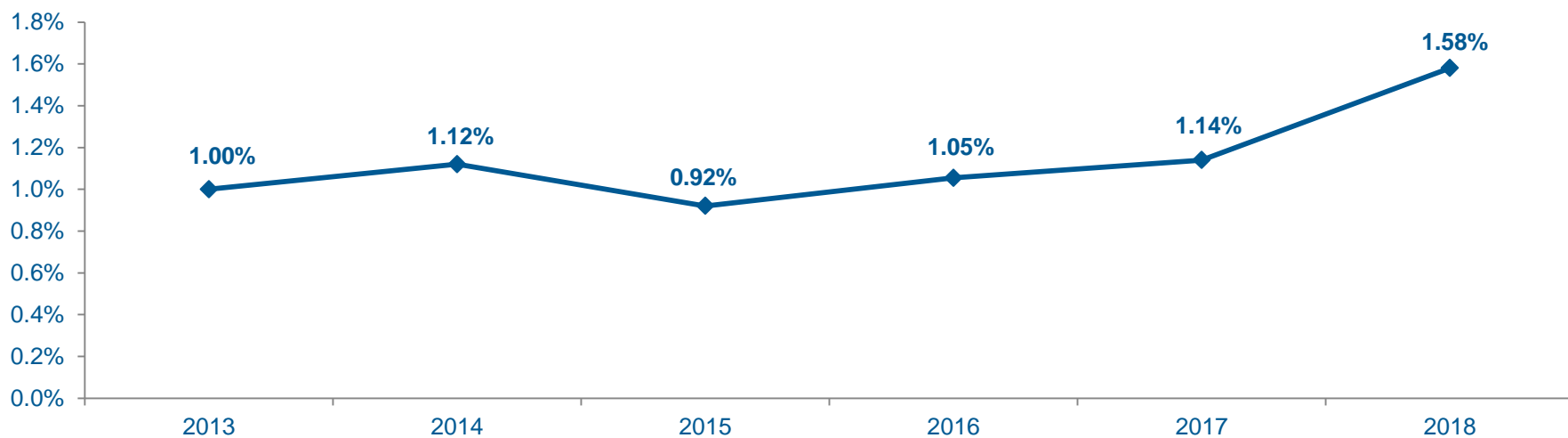


Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn (31/12/2018)



Kiểm soát chất lượng tín dụng

Nhóm	2018		2017		2016		2015		2014	
	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
Nhóm 1 <i>Nợ đủ tiêu chuẩn</i>	846.025	97,81	778.050	98,40	648.968	98,03	529.927	98,48	431.193	98,02
Nhóm 2 <i>Nợ cần chú ý</i>	5.210	0,61	3.627	0,46	6.037	0,91	3.211	0,60	3.771	0,86
Nợ xấu	13.691	1,58	9.011	1,14	6.983	1,06	4.942	0,92	4.905	1,12
Tổng	864.926	100	790.688	100	661.988	100	538.080	100	439,869	100



Hệ thống tín dụng phù hợp

- VietinBank có hệ thống tín dụng phù hợp, cho phép theo dõi các giới hạn cho vay và khẩu vị rủi ro tín dụng.
- Hệ thống tín dụng này của ngân hàng được truyền thông sâu rộng với phân cấp thẩm quyền và các kênh báo cáo rõ ràng.

Thiết lập hạn mức tín dụng cho khách hàng, nhóm khách hàng, lĩnh vực

- Các khoản tín dụng được phân bổ phù hợp theo chủ thể kinh tế và ngành nghề kinh tế, đảm bảo đa dạng hóa danh mục tín dụng, giảm thiểu rủi ro tập trung.
- Chính sách tín dụng thiết lập hạn mức chặt chẽ đối với từng đối tượng.

Phân loại tài sản có và đáp ứng các yêu cầu trích lập dự phòng một cách toàn diện

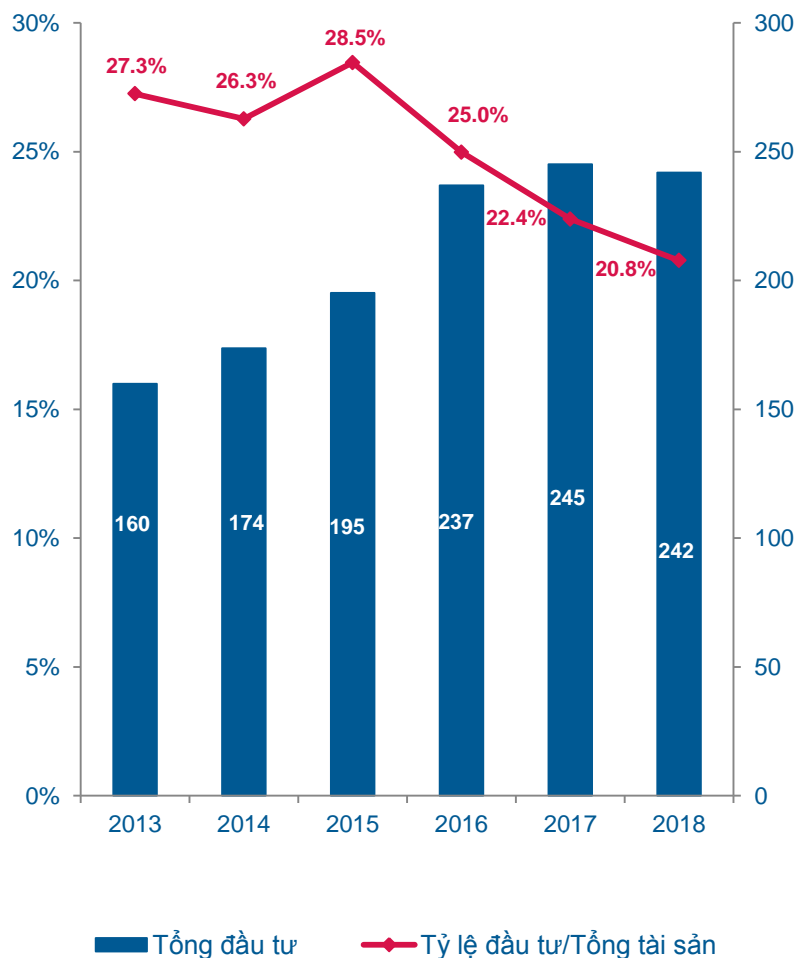
- Phân loại tài sản có toàn diện và chi tiết, xây dựng chính sách và yêu cầu trích lập dự phòng phù hợp với quy định và tiêu chuẩn quốc tế.
- Các quy tắc phân loại nói trên đã mang lại những kết quả tích cực trong việc đo lường các khoản nợ xấu.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ

- Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ được áp dụng để tăng cường chất lượng quản lý tài sản trong bối cảnh nền kinh tế đang tăng trưởng.

Danh mục đầu tư chứng khoán an toàn và đa dạng

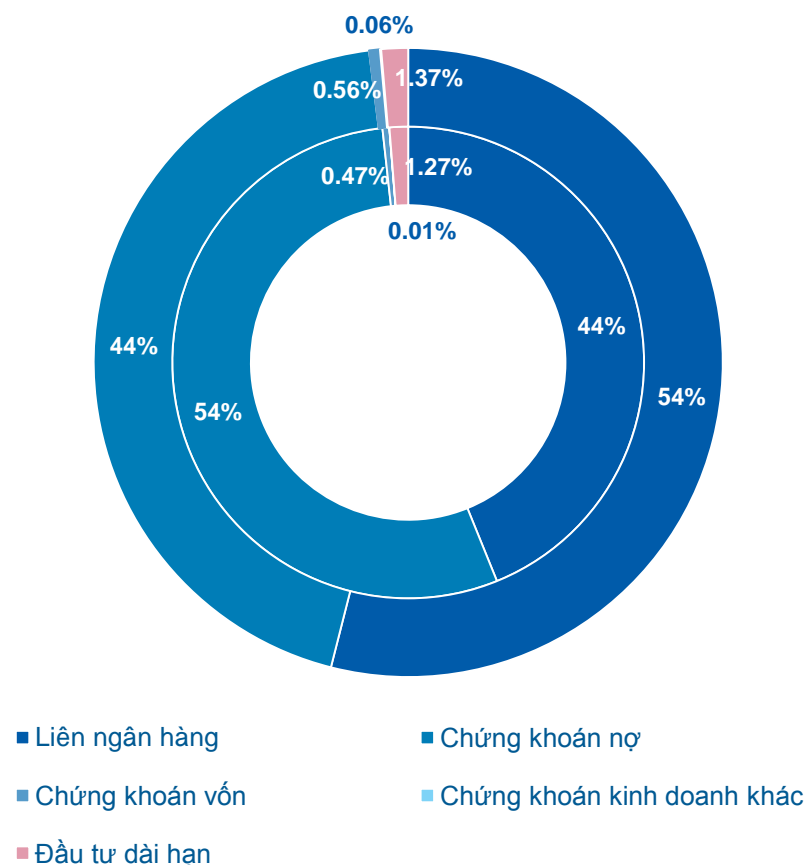
Danh mục đầu tư (VND, nghìn tỷ đồng)



Danh mục đầu tư

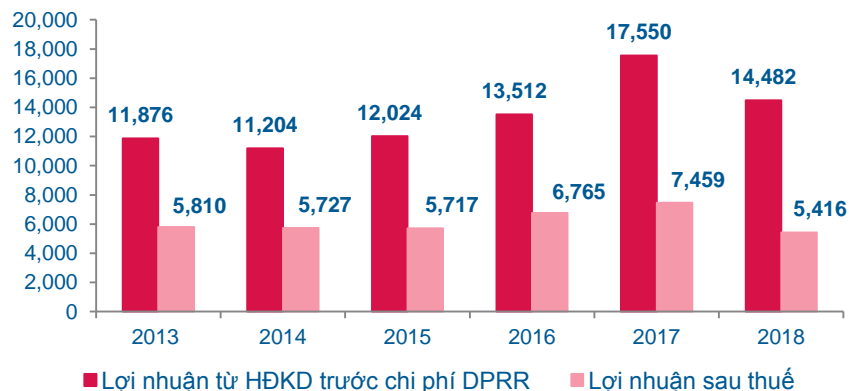
Vòng trong: Tại 31/12/2017

Vòng ngoài: Tại 31/12/2018

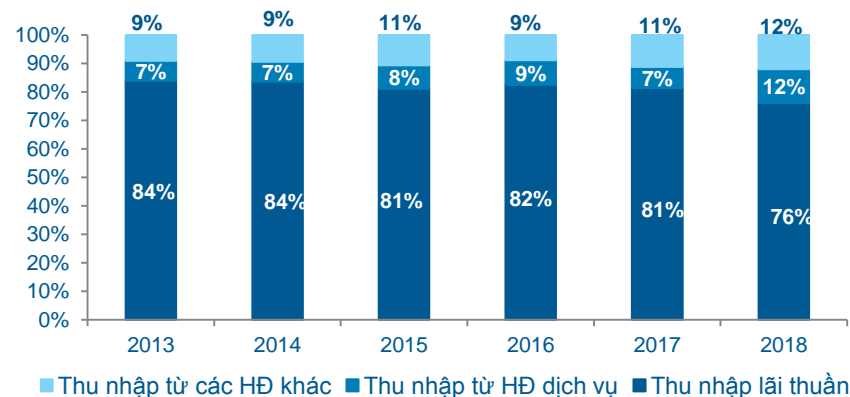


Kết quả kinh doanh

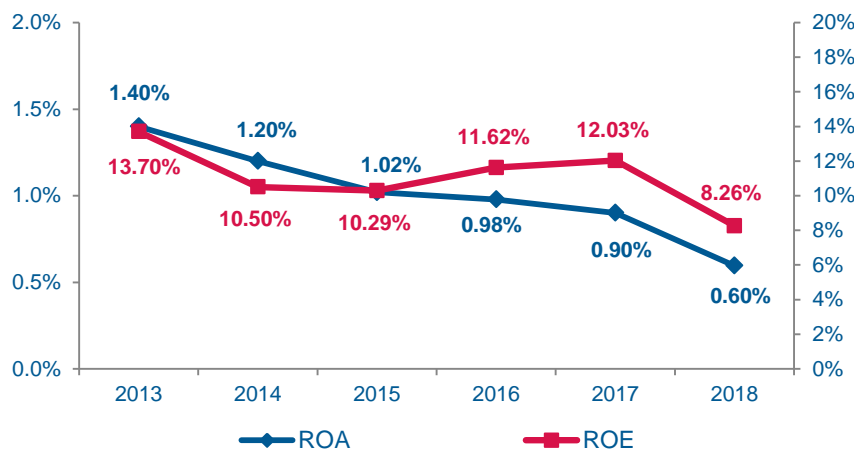
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)



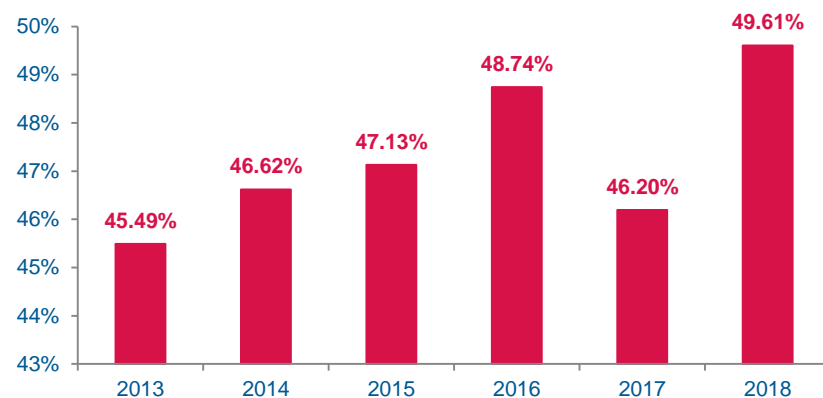
Các khoản thu nhập hoạt động



Các chỉ số tài chính



Tỷ lệ Chi phí/Thu nhập



VietinBank dành nguồn lực tài chính để xử lý tái cơ cấu theo phương án tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 được NHNN phê duyệt, khẩn trương áp dụng các chuẩn mực Basel II, nâng cao các tiêu chuẩn phân loại nợ làm cho một bộ phận nợ chuyển nhóm, tác động lãi dự thu, ảnh hưởng đến lợi nhuận và các chỉ tiêu sinh lời của năm 2018. Việc này là cần thiết để nâng cao chất lượng tài sản, danh mục tín dụng, tạo nền tảng phát triển bền vững trong năm 2019 và các năm tiếp theo, phát triển phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế, chủ động và hội nhập quốc tế thành công.









6. Phụ lục

- ❖ Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu
- ❖ Hoạt động hiệu quả của các công ty con
- ❖ Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG
- ❖ Bảng cân đối kế toán
- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ❖ Website Quan hệ Nhà đầu tư

Giải thưởng và các danh hiệu tiêu biểu

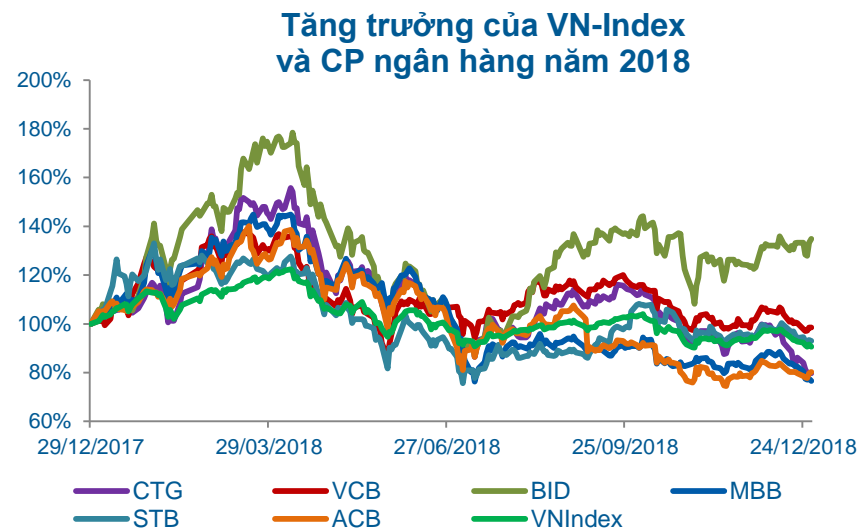
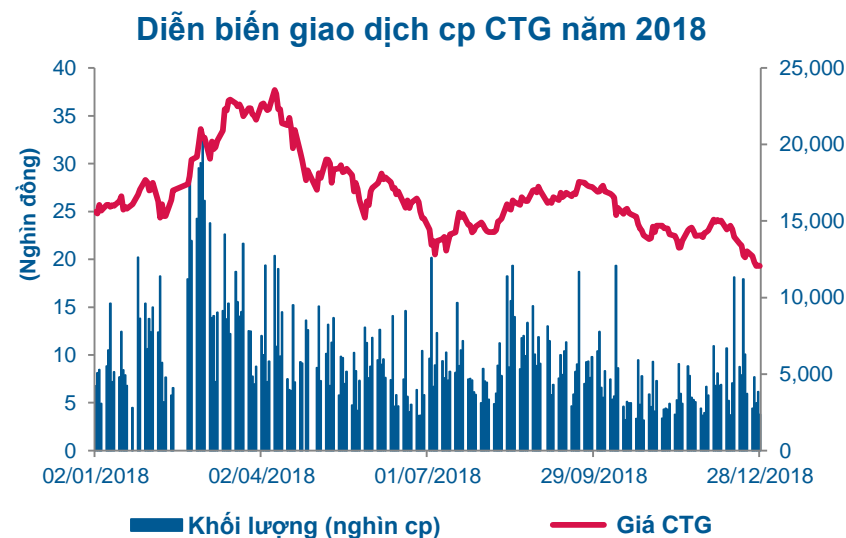
	<p>Nhân kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng VietinBank Huân chương Lao động hạng Nhất (lần thứ 2) và Cờ thi đua của Chính phủ. Đây là sự ghi nhận và biểu dương những thành tích, nỗ lực vượt bậc và đóng góp quan trọng của VietinBank trong suốt 30 năm qua.</p>		<p>VietinBank là DN duy nhất trong ngành ngân hàng đạt Giải Vàng Chất lượng quốc gia trong lĩnh vực DN dịch vụ quy mô lớn. Đặc biệt, trong công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, VietinBank cũng nhận được giải thưởng "Trung tâm Dịch vụ khách hàng dẫn đầu Việt Nam 2018" của tạp chí Global Banking & Finance Review.</p>
	<p>Lần thứ 6 VietinBank lọt vào Top 500 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới, giá trị thương hiệu đạt 381 triệu USD, tăng 51,3% so với 2017, sức mạnh thương hiệu hạng AA- do Brand Finance công bố. Theo đó, VietinBank đã tăng 98 bậc, xác lập thứ hạng 310 (cao nhất trong các ngân hàng VN). Đồng thời, VietinBank cũng nằm trong Top 10 Thương hiệu giá trị nhất VN.</p>		<p>VietinBank đã vinh dự 3 năm liên tiếp đạt Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam của tạp chí Global Banking & Finance Review.</p>
	<p>Lần thứ 7 liên tiếp VietinBank lọt vào danh sách Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới do tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank đạt doanh thu 3,4 tỷ USD và giá trị thị trường đạt 4,8 tỷ USD.</p>		<p>VietinBank được tạp chí Global Finance vinh danh giải thưởng "Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2018"</p>
	<p>Lần thứ 5 liên tiếp VietinBank là DN có sản phẩm dịch vụ đạt Thương hiệu quốc gia. Chương trình Thương hiệu quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam nhằm quảng bá hình ảnh Quốc gia qua thương hiệu sản phẩm, dịch vụ.</p>		<p>Năm 2018, hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của VietinBank đạt được nhiều kết quả nổi bật với các giải thưởng: Ngân hàng cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam (Global Finance); Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2018 (Tạp chí The Asian Banker).</p>
	<p>Đây là lần thứ 14 liên tiếp VietinBank được trao danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam và cũng là lần thứ 14 liên tiếp giữ vững vị trí Top dẫn đầu.</p>		<p>Tại Giải thưởng Nhân sự Việt Nam do Công ty TalentNet và Báo Lao động - Xã hội tổ chức dưới sự bảo trợ của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, VietinBank đã đạt giải Doanh nghiệp có chính sách lương thưởng hiệu quả.</p>

Hoạt động hiệu quả của các công ty con

Tên công ty		Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank (%)	Lợi nhuận trước thuế năm 2018 (Tỷ đồng)
<i>Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào</i>		1.141,25	100%	133,98
<i>Công ty Cho thuê tài chính VietinBank</i>		1.000	100%	131,60
<i>Công ty Quản lý quỹ VietinBank</i>		950	100%	83,41
<i>Công ty Chứng khoán VietinBank</i>		1.064,4	75,61%	181,85
<i>Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank</i>		500	97,83%	102,04
<i>Công ty Kinh doanh vàng bạc đá quý VietinBank</i>		300	100%	10,64
<i>Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản VietinBank</i>		120	100%	0,49
<i>Công ty Chuyển tiền toàn cầu VietinBank</i>		50	100%	55,99

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG năm 2018

Chỉ tiêu	Giá trị
Giá phiên giao dịch đầu năm 2018 (02/1/2018)	24.950 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối năm 2018 (28/12/2018)	19.300 đồng/cp
Biến động giá trong năm 2018	19.300 - 37.700 đồng/cp
Khối lượng giao dịch	1.523.554.730 cp
Giá trị giao dịch	42.330 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	Bán ròng 16.325.770 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	29,56%
EPS	1.454 đồng/cp
P/E (28/12/2018)	13,27x
BVPS	18.117 đồng/cp
P/B (28/12/2018)	1,07x



Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2014 (kt)	2015 (kt)	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4.631	5.091	5.187	5.980	7.028
Tiền gửi tại NHNN	9.876	11.893	13.503	20.756	23.182
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	75.434	66.019	94.469	107.510	130.512
Chứng khoán kinh doanh	3.648	3.346	1.895	3.529	3.312
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0	683	529	281
Cho vay khách hàng	439.869	538.080	661.988	790.688	851.918
DPRR cho vay khách hàng	(4.367)	(4.550)	(6.899)	(8.303)	(13.008)
Chứng khoán đầu tư	93.404	120.024	134.227	128.393	102.100
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.787	3.892	3.203	3.114	3.317
Tài sản cố định	8.895	8.666	10.624	11.437	11.115
Tài sản có khác	26.064	27.022	29.689	31.427	31.850
Tổng tài sản có	661.242	779.483	948.568	1.095.061	1.164.435
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	4.731	13.227	4.808	15.207	62.600
Tiền gửi và vay các TCTD khác	103.770	99.169	85.152	115.159	111.400
Tiền gửi của khách hàng	424.181	492.960	655.060	752.935	825.816
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	416	118	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	32.022	54.237	6.075	6.364	5.934
Phát hành giấy tờ có giá	5.294	20.860	23.849	22.502	46.216
Các khoản nợ khác	35.569	42.802	113.315	119.129	45.013
Tổng nợ phải trả	605.983	723.373	888.261	1.031.296	1.096.979
Vốn của TCTD	46.209	46.209	46.209	46.209	46.416
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	4.346	5.275	6.367	7.476	8.168
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	338	442	480	551	600
Lợi nhuận chưa phân phối	4.141	3.942	6.991	9.234	11.976
Vốn chủ sở hữu	55.259	56.110	60.307	63.765	67.456
Lợi ích của cổ đông thiểu số	225	242	260	295	296
Tổng nguồn vốn	661.242	779.483	948.568	1.095.061	1.164.435

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2014 (kt)	2015 (kt)	2016 (kt)	2017 (kt)	2018 (kt)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	41.357	42.472	52.890	65.277	74.176
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(23.495)	(23.633)	(30.586)	(38.204)	(51.658)
Thu nhập lãi thuần	17.862	18.839	22.304	27.073	22.518
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.117	2.651	3.334	4.302	5.954
Chi phí hoạt động dịch vụ	(939)	(1.191)	(1.636)	(2.447)	(3.187)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.179	1.460	1.698	1.855	2.768
Lãi /lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	387	20	685	710	710
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	192	129	184	325	271
Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(154)	53	41	(81)	218
Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	1.398	2.202	1.299	1.995	1.878
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	166	41	150	743	374
Thu nhập ngoài lãi	3.169	3.905	4.057	5.547	6.220
Tổng thu nhập	21.031	22.744	26.361	32.620	28.738
Chi phí hoạt động	(9.804)	(10.719)	(12.849)	(15.070)	(14.256)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	11.226	12.024	13.512	17.550	14.482
Chi phí DPRR tín dụng	(3.923)	(4.679)	(5.059)	(8.344)	(7.751)
Tổng lợi nhuận trước thuế	7.303	7.345	8.454	9.206	6.730
Chi phí thuế TNDN	(1.576)	(1.629)	(1.688)	(1.747)	(1.314)
Lợi nhuận sau thuế	5.728	5.717	6.765	7.459	5.416
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(15)	(19)	(20)	(27)	(2)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	5.713	5.698	6.745	7.432	5.414

Website Quan hệ Nhà đầu tư

<http://investor.vietinbank.vn>



The screenshot shows the investor website of VietinBank. The browser address bar displays investor.vietinbank.vn/missionandvalues.aspx#. The website header includes the VietinBank logo and the tagline "Nâng giá trị cuộc sống". A navigation menu contains links: TRANG CHỦ, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ, KẾT NỐI THƯƠNG MẠI, GIỚI THIỆU, TUYỂN DỤNG, and LIÊN HỆ. The main content area features a large banner with the text "Nhà đầu tư & VietinBank" and a description of the website's purpose. Below the banner are three circular icons representing the bank's mission, vision, and core values. The right sidebar contains a "CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ" section with links to various investor resources. At the bottom right, there is a "CTG" (Credit Rating) section showing a rating of 20.800 with a positive change of 0.10 (0.48%).

Nhà đầu tư & VietinBank

Qua website này, chúng tôi muốn cung cấp cho Quý vị những thông tin đa chiều và thiết lập một kênh giao tiếp thường xuyên giữa

SỨ MỆNH
Là ngân hàng số 1 của hệ thống ngân hàng Việt Nam, cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiên tiến, tiêu chuẩn quốc tế.

TÂM NHÌN
Trở thành tập đoàn tài chính - ngân hàng hiện đại, đa năng, có tầm cỡ trong khu vực Đông Nam Á.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI
Mọi hoạt động đều hướng tới khách hàng; Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tận tâm, minh bạch, hiện đại; Người lao động được quyền phấn đấu, cống hiến làm việc hết mình – được quyền hưởng thu đúng với chất lượng, kết quả, hiệu quả của cá nhân đóng góp – được quyền tôn vinh cá nhân xuất sắc, lao động giỏi.

CHUYÊN TRANG NHÀ ĐẦU TƯ

- Tổng quan
- Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi
- Thông điệp từ Chủ tịch
- Giới thiệu VietinBank
- Xếp hạng tín nhiệm
- Giải thưởng
- Tin tức
- Thông tin dành cho cổ đông
- Cổ phiếu CTG
- Thông tin tài chính
- Thông tin trái phiếu quốc tế
- Quản trị doanh nghiệp
- Tham khảo và liên hệ

CTG
20.800
+0.10 (0.48%)
Khối lượng: 840.410 (-48,85%)
20/06/2017

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông

Văn phòng HĐQT

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Email: investor@vietinbank.vn

Tel: 84-24-3 941 3622

Trân trọng cảm ơn!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.